



TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG

Tuần 36, 30/08-3/09/2021

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH

Một tuần nhìn lại:

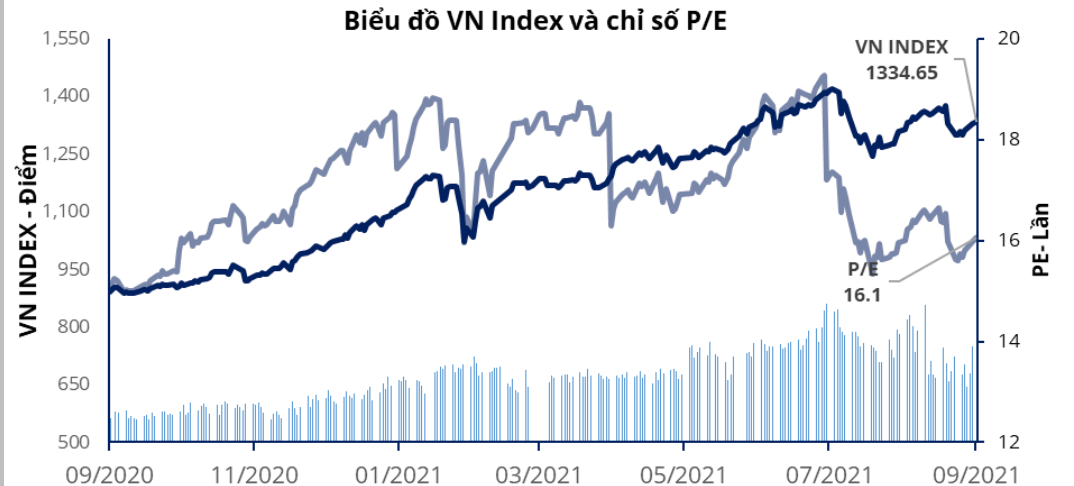
“Hân hoan chào đón ngày độc lập”

Thị trường chứng khoán toàn cầu tuần qua tiếp tục duy trì đà tăng. Tuy nhiên, đà tăng ở châu Âu và Mỹ có xu hướng chậm lại, trong khi đó thị trường châu Á phục hồi mạnh mẽ. Lượng việc làm tăng mới trong tháng 8 chậm hơn so với dự đoán, mức lương trung bình tăng đột biến làm nhà đầu tư lo ngại về tình trạng lạm phát. Những thông tin trên có vẻ tiêu cực cho nền kinh tế nhưng lại tích cực với nhà đầu tư khi điều đó sẽ giảm xác suất rằng FED sẽ bắt đầu khóa van sớm. Kết quả, S&P500 tăng 0.6%. Thị trường chứng khoán châu Âu không có nhiều thay đổi khi nhà đầu tư đánh giá nền kinh tế có dấu hiệu chững lại. Kết tuần, chỉ số STOXX Europe 600 Index giảm nhẹ 0.6%. Trong khi đó, tin tức về việc thủ tướng Suga từ chức góp phần sự phục hồi của thị trường Nhật Bản, loại bỏ một số bất ổn chính trị và nâng cao kỳ vọng về các kế hoạch kích thích kinh tế. Cụ thể, Nikkei 225 tăng 5.38%. Chứng khoán Trung Quốc có tuần thứ 2 tăng điểm liên tiếp, chỉ số Shanghai Composite Index tăng 1,7% mặc cho PMI tháng 8 giảm còn 47.5 do tác động của dịch bệnh. Thông tin hỗ trợ là kết quả kinh doanh ấn tượng của các công ty trong 6 tháng đầu năm và chính sách tiền tệ nới lỏng được đưa ra để hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Thị trường chứng khoán Việt Nam sau khi tạo đáy ngắn hạn vào tuần trước đó đã có sự phục hồi tích cực với 3 phiên tăng điểm liên tiếp trước khi đi vào kỳ nghỉ lễ. Đây thật sự là một điều tích cực so với tâm lý chốt lời như thường lệ ở các năm về trước. Cụ thể, VN Index đóng cửa với 21.45 điểm tăng thêm, ứng với +1.63% và dừng lại ở mức 1.334.65 điểm. Hòa chung tâm lý tích cực của cả thị trường, HNX-Index tăng 1.37%, lên mức 343.42 điểm và UPCoM-Index tăng 2.04% lên 94.01 điểm.

Về mặt kỹ thuật, chỉ số VN Index đã lấy lại ngưỡng MA50 sau 4 phiên tăng liên tiếp và đang thiết lập mô hình tăng tiếp diễn với cờ đuôi neo hoặc tam giác cân. Dải Bollinger Bands đang thu hẹp cho thấy sự biến động giảm dần và đang trong quá trình tích lũy. Thêm vào đó, thanh khoản thị trường cũng tăng trở lại cũng đã thể hiện một phần niềm tin nhà đầu tư về tính khả thi của việc mở cửa trở lại sau ngày 15/9.

Tên chỉ số	Giá đóng cửa	%Suất sinh lợi					Định giá		
		1T	1Thg	3Tng	TĐN	Xu hướng	P/E	P/B	Vốn hóa (tỷ \$)
VN-Index	1,335	1.6	1.6	-0.5	12.5		16.1	2.6	221
Upcom Index	94	2.0	7.6	5.2	21.4		45.5	3.2	56
HNX Index	343	1.4	9.0	6.6	38.5		19.2	2.1	18
VN30 Index	1,427	0.6	-1.5	-3.5	19.4		14.4	2.9	164
S&P 500 Index	4,535	0.6	3.4	7.8	17.2		27.1	4.7	40,092
STOXX Europe 600 Index	472	-0.1	1.6	4.6	14.2		24.8	2.2	15,566
Hang Seng	25,902	1.9	-1.3	-11.6	-11.0		10.0	1.0	3,248
Nikkei 225	29,128	5.4	4.8	0.6	-1.0		16.8	1.9	4,045
SHCOMP Index	3,582	1.7	3.4	-0.4	2.1		15.3	1.7	7,120
STI Index	3,084	0.1	-2.4	-2.4	3.7		23.6	1.1	380
KOSPI Index	3,201	2.1	-0.7	-0.7	5.2		16.7	1.2	1,928



Source: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

WEEKLY SNAPSHOT

Theo vốn hóa và ngành

Đi cùng với việc tạo lập đáy ngắn hạn, thanh khoản cũng đã hồi phục trở lại. Cụ thể, giá trị giao dịch khớp lệnh (GTGDKL) trung bình mỗi phiên trên sàn HSX trong tuần vừa qua đạt 20,638 tỷ đồng tăng 6% so với tuần trước đó.

Xét theo giá trị vốn hóa, dòng tiền tiếp tục bị rút mạnh ở nhóm vốn hóa lớn khi giá trị giao dịch giao dịch sụt giảm đáng kể (-5%). Thay vào đó, dòng tiền của nhà đầu tư tập trung hướng đến nhóm vốn hóa vừa và nhỏ với GTGD tăng lần lượt 32.9% và 51.2% và làm giá trị vốn hóa hai nhóm này tăng lần lượt 3.8% và 4.2%. Trong đó, nhóm cổ phiếu có vốn hóa vừa có sức hút mạnh mẽ nhất khi tỉ trọng trong thanh khoản thị trường tăng thêm 6.6%.

Xét theo từng nhóm ngành, nhóm ngành nguyên vật liệu có tuần giao dịch sôi động khi giá trị vốn hóa của ngành tăng 4.9% và vượt trội so với các ngành khác, thanh khoản cũng tăng đột biến với GTGD tăng 23.1%. Theo sau đó, dòng tiền bắt đầu trở lại với nhóm ngành công nghiệp, mà trong đó nhóm cổ phiếu logistics là tâm điểm, vốn hóa và GTGD của ngành tăng lần lượt 4.2% và 29.1%. Đặc biệt, dòng tiền ở nhóm ngành y tế chưa có dấu hiệu hạ nhiệt khi GTGD tiếp tục tăng đáng kể, 64.3%, điều đó giúp vốn hóa nhóm ngành này tăng thêm 4.2%.

Theo giá trị vốn hóa

Giá trị vốn hóa	Theo giá trị vốn hóa			% thay đổi GTGD			%tỉ trọng GTGD		Định giá		
	1T	1Thg	TĐN	1T	1Thg	TĐN	HT	TĐ	P/E	P/B	Vốn hóa (Tỷ đồng)
Large Cap	1.4	-1.1	20.5	-5.3	-15.9	-16.2	63.9	-7.6	21.4	3.0	4,408,784
▶ Mid Cap	3.8	10.8	29.8	32.9	16.4	36.6	32.6	6.6	17.3	1.6	553,717
▶ Small Cap	4.2	13.1	20.7	51.2	32.4	82.4	3.5	1.0	43.2	0.9	68,147

Theo ngành

Tên ngành	Theo ngành			% thay đổi GTGD			%tỉ trọng GTGD		Định giá		
	1T	1Thg	TĐN	1T	1Thg	TĐN	HT	TĐ	P/E	P/B	Vốn hóa (Tỷ đồng)
▶ Nguyên vật liệu	4.9	11.2	54.3	23.1	2.0	7.4	17.2	2.4	21.9	2.9	518,931
▶ Công nghiệp	4.5	13.9	26.5	29.1	30.8	93.0	13.7	2.5	17.7	1.6	242,691
▶ Dược và Y tế	4.2	13.8	17.4	64.3	64.7	181.1	1.0	0.3	20.7	2.6	43,997
▶ Dầu khí	2.9	-2.4	-2.9	28.8	-21.3	-42.4	0.8	0.1	72.1	3.0	71,271
▶ Tiện ích Cộng đồng	2.2	0.0	2.7	26.5	28.2	44.1	2.2	0.4	17.7	2.2	260,259
Tài chính	1.4	0.0	25.3	-1.4	-8.1	11.3	34.9	-2.6	24.6	2.8	1,399,324
Ngân hàng	1.0	-4.7	22.5	-26.8	-41.5	-55.8	14.2	-6.4	15.2	2.4	1,558,558
Công nghệ Thông tin	0.9	-1.6	75.3	-26.4	-46.2	-43.7	0.9	-0.4	24.3	3.5	96,354
▶ Hàng Tiêu dùng	0.7	0.4	-1.3	62.6	41.8	56.0	12.4	4.3	22.9	3.1	611,168
Dịch vụ Tiêu dùng	-0.2	1.3	22.8	-13.3	-16.6	0.1	2.8	-0.6	n.a	4.4	228,770

Chú thích:

-TĐN: Từ đầu năm

-HT: Hiện tại

-TĐ: Thay đổi

WEEKLY SNAPSHOT

Sự dịch chuyển của dòng vốn

Về sự dịch chuyển của dòng vốn quốc tế, dòng vốn đã bắt đầu trở lại ở một số thị trường lớn như Đài Loan và Hàn Quốc với giá trị ròng đạt lần lượt 3.3 tỷ đô và 1.8 tỷ đô. Trong khi đó, Việt Nam cùng với Sri Lanka là những thị trường tiếp tục bị rút ròng vốn với giá trị lần lượt là 39 triệu đô và 17 triệu đô.

Ở một khía cạnh khác, dòng vốn thông qua kênh ETF vào thị trường Việt Nam bắt đầu khởi sắc trở lại, khi dòng tiền được giải ngân từ cả ETF nội và ngoại. Trong đó, nhóm ngoại đóng góp 3.92 triệu đô, còn nhóm ETF nội đóng góp 7.8 triệu đô, chủ yếu đến từ quỹ ETFVN30 của công ty quản lý quỹ Dragon Capital.

Tên ETF	Tài sản (Triệu \$)	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
		1T	1Thg	3Thg	TĐN
Tổng các quỹ ETF	3,443	11.72	-54.39	150.4	170.9
Nước ngoài	2,226	3.92	-58.93	137.6	221.8
VanEck Vectors Vietnam ETF	563	3.92	6.89	17.8	41.6
Fubon FTSE Vietnam ETF	487	0.00	-77.45	88.4	256.1
iShares MSCI Frontier and Select EM ETF	499	0.00	6.75	13.2	3.7
Xtrackers FTSE Vietnam Swap ETF	441	0.00	1.76	-0.4	-9.8
KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF	178	0.00	0.00	7.2	-79.1
Premia MSCI Vietnam ETF	29	0.00	0.00	0.0	-1.0
KIM KINDEX Vietnam VN30 Future	17	0.00	0.00	0.0	-1.1
Asian Growth CUBS ETF	12	0.00	3.12	11.4	11.4
Trong nước	1,217	7.80	4.53	12.8	-50.8
DCVFMVN Diamond ETF	619	0.00	0.00	0.0	-55.9
DCVFMVN30 ETF Fund	436	7.80	4.54	11.3	0.0
SSIAM VNFIN LEAD ETF	114	0.00	0.00	0.0	0.0
MAFN VN30 ETF	27	0.00	0.00	1.5	0.3
SSIAM VNX50 ETF	12	0.00	0.00	0.0	0.0
VinaCapital VN100 ETF	4	0.00	0.00	0.0	0.0
SSIAM VN30 ETF	4	0.00	0.00	0.00	4.7

Quốc gia	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
	WTD	MTD	QTD	YTD
Trung Quốc	n.a	-363	69,345	64,699
Ấn độ	888	270	-423	7,661
Indonesia	89	11	390	1,582
Nhật Bản	230	-2,020	-5,407	19,375
Maylaysia	153	30	-37	-1,064
Philippines	9	3	-148	-1,691
Hàn Quốc	1,860	1,120	-8,191	-25,228
Sri Lanka	-17	-16	-74	-209
Đài Loan	3,303	1,652	-1,484	-14,588
Thái Lan	305	120	-226	-2,695
Việt Nam	-39	-18	-87	-1,616

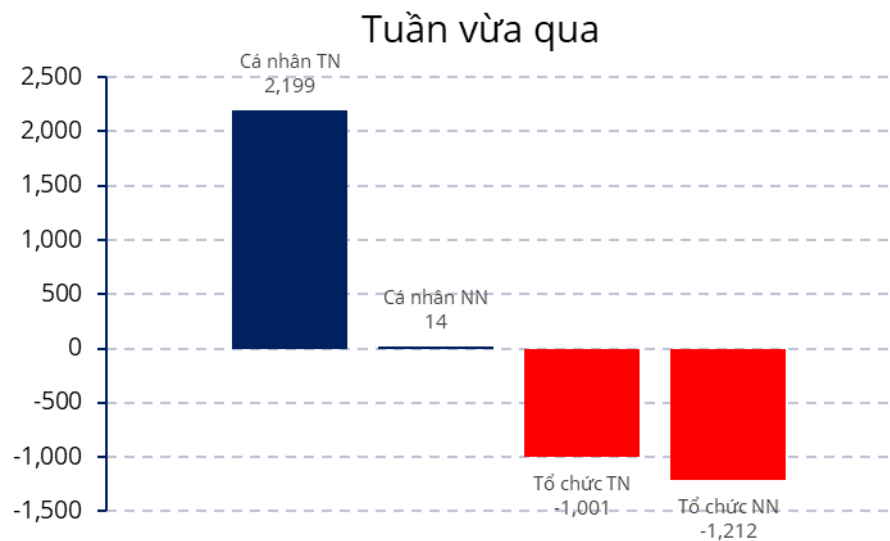
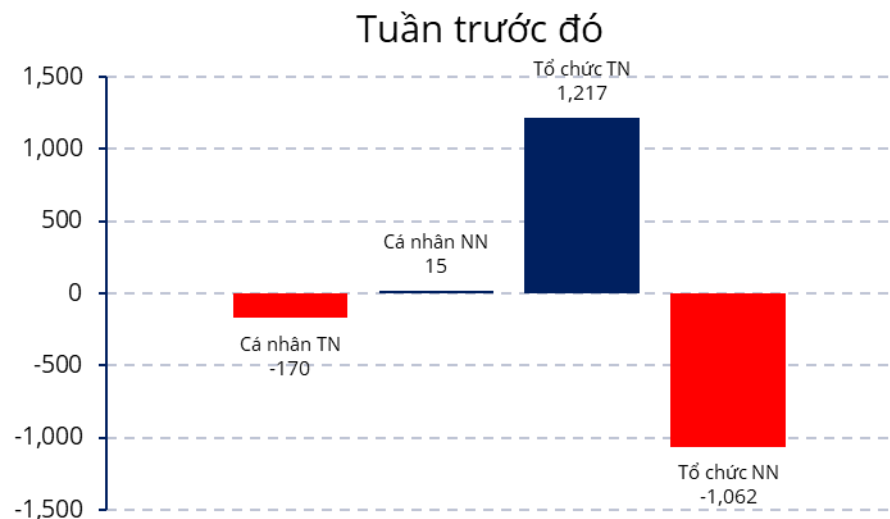
Chú thích:
 -WTD: từ đầu tuần
 -MTD: từ đầu tháng
 -QTD: từ đầu quý
 -YTD: từ đầu năm

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

WEEKLY SNAPSHOT

Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư

Về hoạt động giao dịch giữa các nhà đầu tư, khối ngoại vẫn duy trì việc bán ròng, với giá trị ròng đạt 1,198 tỷ đồng. Các nhà đầu tư tổ chức trong nước đảo chiều bán ròng 1,001 tỷ đồng. Ngược lại, nhóm nhà đầu tư cá nhân là bên gom mua mạnh sau khi thị trường có dấu hiệu tạo đáy ngắn hạn với giá trị giao dịch thuần đạt 2,199 tỷ đồng.



Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam, đơn vị : tỷ đồng

Chú thích:
-TN: trong nước
-NN: nước ngoài

WEEKLY SNAPSHOT

Top cổ phiếu đáng chú ý

HSX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% thay đổi
1	LEC	Tiện ích Cộng đồng	9.60 - 17.35	14.2	-12.92%
2	DAT	Hàng Tiêu dùng	19.00 - 54.40	30.6	-11.69%
3	PGD	Ngân hàng	25.50 - 34.95	30.2	-11.18%
4	DAH	Dịch vụ Tiêu dùng	3.50 - 14.85	11.8	-10.31%
5	OPC	Dịch vụ Tiêu dùng	52.30 - 72.00	58.0	-8.52%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
14.38%	33.0	0.98 - 33.00	Công nghiệp	TGG
14.29%	82.4	20.00 - 82.40	Dược phẩm và Y tế	VMD
14.29%	28.8	9.36 - 46.36	Công nghiệp	SAV
14.25%	22.9	9.90 - 22.85	Nguyên vật liệu	BMC
14.29%	28.8	9.36 - 46.36	Công nghiệp	HU1

HNX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% thay đổi
1	VE4	Nguyên vật liệu	4.40 - 35.50	28.5	-17.63%
2	VHL	Hàng Tiêu dùng	21.60 - 30.00	21.6	-10.00%
3	GDW	Tiện ích Cộng đồng	19.00 - 40.20	25.8	-8.83%
4	NFC	Công nghiệp	5.60 - 13.60	11.8	-7.81%
5	DNM	Dược phẩm và Y tế	32.90 - 64.00	35.5	-7.79%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
20.81%	68.5	45.10 - 88.00	Công nghiệp	VNT
20.24%	10.1	6.60 - 11.10	Công nghiệp	PDB
20.00%	9.0	3.70 - 9.40	Hàng Tiêu dùng	VKC
19.85%	16.3	6.00 - 16.30	Công nghệ Thông tin	SMT
19.70%	7.9	2.70 - 9.50	Dịch vụ Tiêu dùng	PGT

Upcom

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% thay đổi
1	VTQ	Nguyên vật liệu	10.20 - 45.70	20.4	-38.18%
2	PEG	Tiện ích Cộng đồng	5.60 - 12.40	6.4	-31.91%
3	MGC	Nguyên vật liệu	3.00 - 14.60	9.1	-28.35%
4	HRB	Tài chính	14.50 - 27.90	16.0	-27.60%
5	HNB	Công nghiệp	8.20 - 23.40	12.6	-18.18%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
51.48%	25.6	11.00 - 25.60	Dược phẩm và Y tế	TW3
50.52%	43.5	8.50 - 43.50	Tiện ích Cộng đồng	POB
49.13%	25.8	4.40 - 25.80	Công nghiệp	SVG
46.81%	13.8	7.40 - 15.80	Tiện ích Cộng đồng	TNW
45.86%	19.4	8.10 - 19.40	Dược phẩm và Y tế	HDP

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

WEEKLY SNAPSHOT

Top cổ phiếu đáng chú ý

Top 10 cổ phiếu có giá trị giao dịch thay đổi đột biến

Tickers	Tên công ty	Ngành	Giá trị giao dịch		Giá cổ phiếu		
			TB Ngày (Triệu đ)	%1 Tuần	HT	Biến động 52 tuần	%1 Tuần
1 PME	Công ty Cổ phần Pymepharco	Dược và Y tế	113	1,312.5	81.0	68.00 - 88.00	0.0
2 TIX	Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Dịch vụ và Đầu tư Tân Bình	Tài chính	387	1,233.6	34.5	26.60 - 35.50	11.3
3 SVC	Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Sài Gòn	Hàng Tiêu dùng	274	828.8	70.0	63.50 - 87.70	-1.3
4 VCF	Công ty Cổ phần Vinacafe Biên Hòa	Hàng Tiêu dùng	271	664.1	245.0	206.50 - 262.00	-2.0
5 BTP	Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa	Tiện ích Cộng đồng	1,126	304.4	17.8	13.20 - 18.10	4.7
6 VPD	Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam	Tiện ích Cộng đồng	1,219	286.9	15.2	13.05 - 15.70	7.1
7 BFC	Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền	Nguyên vật liệu	48,933	256.5	37.5	14.35 - 41.00	11.6
8 VMD	Công ty Cổ phần Y Dược phẩm Vimedimex	Dược và Y tế	6,621	240.3	82.4	20.00 - 82.40	39.9
9 TRA	Công ty Cổ phần Traphaco	Dược và Y tế	6,111	223.9	95.1	54.40 - 105.00	10.8
10 PGD	Công ty Cổ phần Phân phối khí thấp áp dầu khí Việt Nam	Tiện ích Cộng đồng	691	220.5	30.2	25.50 - 34.95	-4.1

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Bảng trên liệt kê ra top 10 cổ phiếu trong rổ chỉ số VN Index có vốn hóa trên 1,000 tỷ đồng và giá trị giao dịch bình quân hằng ngày trong tuần qua so với tuần trước đó là cao nhất.

WEEKLY SNAPSHOT

Những dữ liệu vĩ mô khác

Tỷ giá

	Giá	1T	1TH	3TH	TĐN	XH
Dollar index	92.04	-0.70	-0.05	1.68	2.33	
VND/USD	22,764	-0.20	-0.84	-1.22	-1.45	
KRW/USD	1,157.05	-1.03	0.74	3.89	6.51	
JPY/USD	109.71	-0.12	0.61	-0.53	6.26	
EUR/USD	0.84	-0.70	-0.12	2.09	2.83	
SGD/USD	1.34	-0.36	-0.75	1.02	1.44	
CNY/USD	6.46	-0.26	-0.23	0.80	-1.10	

Hàng hóa

	Giá	1T	1TH	3TH	TĐN	XH
Dầu thô	69.29	0.80	-1.80	0.70	42.81	
Xăng	215.40	-5.29	-5.14	-2.17	52.94	
Gas	4.71	7.83	17.01	54.95	85.58	
Than	179.00	4.71	17.18	50.42	122.36	
Vàng	1,827.73	0.56	0.96	-2.30	-3.72	
Bạc	24.72	2.87	-3.16	-9.90	-6.39	
Platinum	1,026.76	1.41	-2.35	-11.64	-4.23	
Quặng sắt	144.83	-9.30	-19.99	-30.37	-7.06	
Thép cán	5,763.00	2.02	0.44	3.11	25.97	
Lúa mì	714.50	-0.56	-1.38	5.66	11.55	
Ngô	508.00	-8.96	-7.72	-23.26	4.96	
Gõ	547.20	12.78	-9.78	-58.74	-37.33	

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Chú thích:

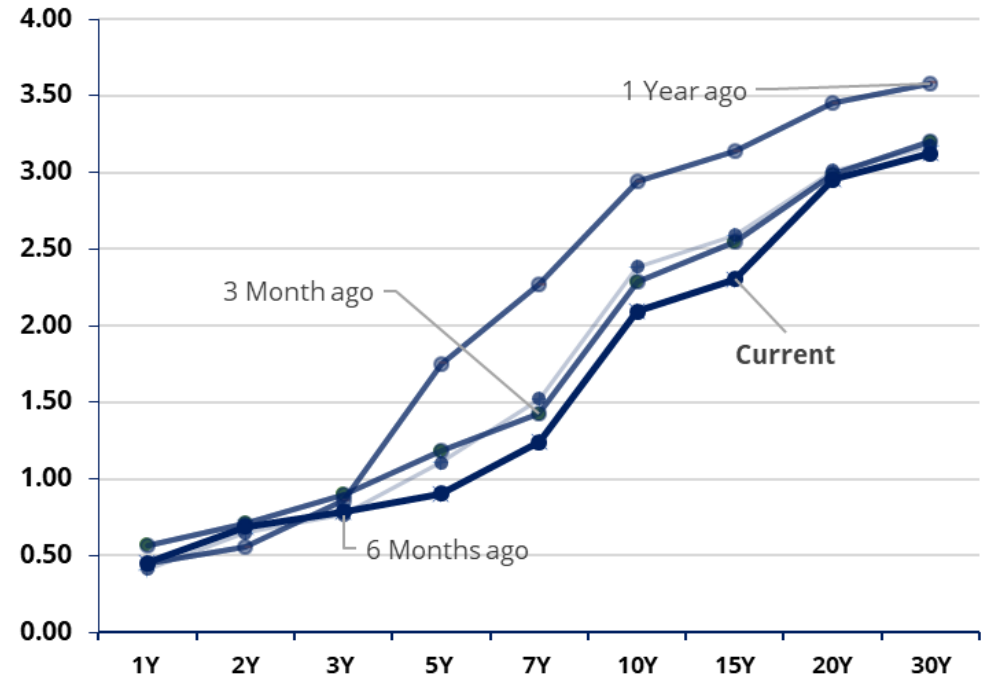
-TĐN: Từ đầu năm

-XH: Xu hướng

-Thay đổi(BPS): số điểm cơ bản thay đổi sau 1 tuần

Dữ liệu về lãi suất

Đường cong lãi suất trái phiếu chính phủ Việt Nam



TG đáo hạn	1 Yr	2 Yrs	3 Yrs	5 Yrs	7 Yrs	10 Yrs	15 Yrs	20 Yrs	30 Yrs
Lãi suất	0.45	0.69	0.79	0.91	1.24	2.09	2.30	2.95	3.13
Thay đổi (BPS)	-1.70	0.00	1.30	-0.70	3.10	-0.70	-1.40	-1.40	2.50

Thông báo Tuần thủ

- ♦ Tôi/chúng tôi, với tư cách là chuyên viên/các chuyên viên chuẩn bị bản báo cáo này, cam kết nội dung trình bày ở trên phản ánh chính xác quan điểm của tôi/chúng tôi về các chủ đề chứng khoán và tổ chức phát hành được thảo luận trong bài nghiên cứu. Hơn nữa, tôi/chúng tôi cũng xác nhận rằng bài báo cáo này được soạn thảo mà không phải chịu bất kỳ áp lực hoặc sự can thiệp bất hợp lý nào từ bên ngoài.
- ♦ Bản báo cáo này là tài liệu tham khảo cho đầu tư dựa trên các dữ liệu trong quá khứ, vì thế những biến động giá cổ phiếu trong tương lai có thể khác với các xu hướng đã được hình thành.
- ♦ Các dữ liệu này phản ánh chính xác quan điểm của người phụ trách nghiên cứu và phân tích về chứng khoán của doanh nghiệp, nhưng các quan điểm và những ước tính này có thể có sai sót. Vì vậy, việc lựa chọn cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng nên phụ thuộc vào chính mỗi nhà đầu tư.
- ♦ Các dữ liệu nghiên cứu và phân tích chỉ được gửi tới cho khách hàng của chúng tôi, do đó không được phép sao chép, chuyển tiếp, hay gửi lại cho các đơn vị khác trong mọi trường hợp mà chưa được sự cho phép của chúng tôi.

Miễn trừ trách nhiệm

- ♦ Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing dành cho thị trường / chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi Phòng Phân Tích của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiện và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.
- ♦ Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình, các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.
- ♦ Bản quyền © 2020 của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.